



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

TRONG QUÁ TRÌNH
CÔNG NGHIỆP HÓA
VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN
TRONG QUÁ TRÌNH
CÔNG NGHIỆP HÓA
VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

ã số: $\frac{32 (V) 2}{CTQG-2012}$

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

188
ThS. Ngô Minh Hải
ng nghiệp Hà Nội
ối với phát triển
196
Nguyễn Mậu Dũng
ng nghiệp Hà Nội
o phần thực hiện
ng nghiệp, nông
207
Nguyễn Văn Sánh
sông Cửu Long
Đại học Cần Thơ
Hà Nội với vấn
220
Trần Hữu Cường
Thị Kim Loan
Nguyễn Hùng Anh
ng nghiệp Hà Nội
hiệp, nông dân,
237
Đại học Cần Thơ
Đại học Cần Thơ
Trường Toàn
gia hộ gia đình
hoạt ở thị xã
248
Nguyễn Mậu Dũng
ng nghiệp Hà Nội
ng nghiệp hóa và
273
Phượng Lê
hiệp Hà Nội

22. Nghiên cứu về chuyển dịch lao động nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng: một trường hợp nghiên cứu tại xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên 303
ThS. Mai Lan Phương
ThS. Nguyễn Thị Minh Thu
TS. Nguyễn Thị Minh Hiền
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
23. Ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp cho công nghiệp hóa đến sinh kế của các hộ nông dân ở tỉnh Hưng Yên 315
Nguyễn Thị Diễm, Vũ Đình Tôn
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
Philippe Lebailly
Trường Đại học Gembloux, Vương quốc Bỉ
24. Phân cấp quản lý và Chương trình xóa đói, giảm nghèo (Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình) 328
Mai Lan Phương, Nguyễn Mậu Dũng
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
Philippe Lebailly
Trường Đại học Gembloux, Vương quốc Bỉ
25. Đánh giá hiệu quả mô hình tổ chức, quản lý của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội 360
ThS. Vũ Văn Tuấn và các cộng sự
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
26. Mức độ ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm và một số giải pháp chủ yếu ổn định thu nhập của hộ nông dân chăn nuôi gia cầm ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long 369
Bùi Văn Trinh, Mai Văn Nam, Huỳnh Thị Đan Xuân
Trường Đại học Cần Thơ
27. Một số vấn đề trong thực hiện chính sách tam nông thời gian qua ở huyện Văn Giang 398
ThS. Lê Trung Cẩn
Phòng Nông nghiệp huyện Văn Giang, Hưng Yên

PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

(*Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình*)

Mai Lan Phương, Nguyễn Mậu Dũng

Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Philippe Lebailly

Trường Đại học Gembloux, Vương quốc Bỉ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thập kỷ vừa qua, việc phân cấp diễn ra hầu hết trong tất cả các quốc gia đặc biệt tại các nước đang phát triển chủ yếu vì động cơ chính trị. Phân cấp nhằm hướng đến tính hiệu quả, công bằng và sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô. Bốn khía cạnh chính được đề cập trong phân cấp, đó là: phân cấp quản lý hành chính, phân cấp quản lý tài chính, phân cấp chính trị và phân cấp thị trường hay còn gọi là phân cấp kinh tế. Phân cấp quản lý hành chính tập trung vào sự ủy thác quyền lực ở các cấp độ hành chính khác nhau. Phân cấp quản lý tài chính tập trung vào việc phân phối lại trách nhiệm về tài chính của các cấp. Phân cấp về chính trị tập trung vào việc phân chia quyền lực trong ra quyết định và lập kế hoạch. Phân cấp về kinh tế hay còn gọi là phân cấp thị trường được coi là hình thức toàn diện nhất vì nó thực hiện chuyển giao trách nhiệm từ các lĩnh vực công đến lĩnh vực tư nhân.

Tại Việt Nam, phân cấp chủ yếu là phân cấp quản lý. Sự phân cấp trong quản lý sẽ góp phần làm tăng sự tham gia của cộng đồng nói chung và của người dân nói riêng trong các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội. Việc phân cấp có thể giảm được các thủ tục quan liêu, phức tạp, giảm được sự tắc nghẽn trong việc ra quyết định và giúp cho việc

ra quyết định
người dân cũ
việc phân cấp
phương. Sự
bộ địa phươ
nguồn lực tà
không thúc c
cũng như các

Từ sau E
cấp trong qu
trong quản lý
giữa Chính p
sau đó tiến l
Nghị quyết
mô và người
các nhóm d
cho cấp đượ
đầu tư từ ng
nước ngoài
quản lý của
Chính phủ
nước, quyết
Chính quyề
nước do đi
Chính phủ
ngành, lĩnh
phân cấp n
hiệu quả, k
quản lý, hạ
giữ lại quy

HƯƠNG TRÌNH GHÈO

(Hòa Bình)

Mậu Dũng

Hà Nội

ương quốc Bỉ

hiện ra hầu hết trong tất cả
triển chủ yếu vì động cơ
u quả, công bằng và sự ổn
chính được đề cập trong
ính, phân cấp quản lý tài
ường hay còn gọi là phân
tập trung vào sự ủy thác
hau. Phân cấp quản lý tài
nhiệm về tài chính của các
phân chia quyền lực trong
tinh tế hay còn gọi là phân
diện nhất vì nó thực hiện
g đến lĩnh vực tư nhân.

cấp quản lý. Sự phân cấp
m gia của cộng đồng nói
e hoạt động kinh tế, chính
các thủ tục quan liêu, phức
yết định và giúp cho việc

ra quyết định của chính quyền phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của người dân cũng như đáp ứng được xu thế phát triển chung. Tuy nhiên việc phân cấp quản lý cũng có những tồn tại liên quan đến năng lực địa phương. Sự yếu kém về năng lực quản lý và năng lực thể chế của cán bộ địa phương có thể dẫn đến những mất mát về mặt nguồn lực nhất là nguồn lực tài chính, làm cho các hoạt động vận hành kém hiệu quả, không thúc đẩy được sự hợp tác giữa người dân và các tổ chức xã hội cũng như các tổ chức tư nhân trong phát triển nông thôn.

Từ sau Đổi mới năm 1986, Việt Nam đã từng bước tiến hành phân cấp trong quản lý. Đặc biệt năm 2004 Nghị quyết 08¹ về phân cấp trong quản lý đã ra đời nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp quản lý giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau đó tiến hành thực hiện trên phạm vi cả nước. Về quản lý đầu tư, Nghị quyết nêu rõ tính chất, căn cứ, phạm vi hoạt động, lĩnh vực, quy mô và nguồn vốn đầu tư mà thực hiện phân cấp cụ thể, không dựa vào các nhóm dự án A, B, C, không áp dụng cơ chế ủy quyền của cấp trên cho cấp dưới. Chính quyền cấp tỉnh được quyền quyết định các dự án đầu tư từ ngân sách địa phương và cấp giấy phép cho các dự án đầu tư nước ngoài phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng quản lý của địa phương. Về đất đai, tài nguyên, tài sản của Nhà nước, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai trong phạm vi cả nước, quyết định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh. Chính quyền cấp tỉnh được phép sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước do địa phương trực tiếp quản lý theo đề án tổng thể đã được Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, quá trình thực hiện phân cấp ở một số ngành, lĩnh vực và ở một số địa phương còn nhiều hạn chế như: tuy phân cấp nhưng thiếu các biện pháp giám sát, kiểm tra nên làm giảm hiệu quả, không bảo đảm được sự thống nhất về chính sách và cơ chế quản lý, hạn chế phân cấp cho cấp dưới với nhiều lý do khác nhau để giữ lại quyền lực cho cấp mình. Ở một số nơi chưa quan tâm đầy đủ

1. <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet/Nghi-quyet-08-2004-NQ-CP-tiep-tuc-day-manh-phan-cap-quan-ly-nha-nuoc-giua-Chinh-phu-va-chinh-quyen-tinh-thanh-pho-truc-thuoc-Trung-uong-vb52205t13.aspx>

đến tăng cường tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ nên việc thực hiện các chủ trương phân cấp diễn ra không đồng bộ và triệt để theo yêu cầu đặt ra.¹

Trong lĩnh vực về giảm nghèo, từ năm 1993, được sự hỗ trợ của UNDP, Việt Nam đã nhấn mạnh sự tham gia của người dân, phân cấp quản lý và tăng cường năng lực ở cấp cơ sở trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo. Thực hiện phân cấp, mở rộng quyền chủ động cho các địa phương là cơ sở cho việc xác định thứ tự ưu tiên các chương trình, dự án. Các địa phương được giao trách nhiệm quản lý và xây dựng các dự án phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo theo phương hướng, mục tiêu và quy hoạch đã được Nhà nước phê duyệt nhằm bảo đảm đạt hiệu quả cao, tránh các rủi ro. Phân cấp quản lý góp phần tăng cường vai trò, trách nhiệm và năng lực quản lý của địa phương trong việc bố trí các nguồn lực, đơn giản hoá các thủ tục đầu tư, thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình, dự án nhằm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó Nhà nước còn tạo quyền chủ động hơn nữa cho cấp xã, huyện trong việc xây dựng Quỹ phát triển cộng đồng, Quỹ cứu trợ xã hội,... nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của chương trình đầu tư phát triển, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án có mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra địa phương xác lập cơ chế cụ thể để huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng dự án, tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án đầu tư bảo đảm nguyên tắc thực sự trao quyền cho người dân từ lựa chọn mục tiêu, phân bổ nguồn lực đến tổ chức thực hiện, kiểm tra.

Bài viết tập trung phân tích sự phân cấp quản lý của Chương trình xóa đói, giảm nghèo quốc gia dựa trên việc tổng hợp thông tin có sẵn từ các báo cáo. Các thông tin được tổng hợp chủ yếu từ: đề tài "Tăng cường vai trò của Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội trong phát triển nông thôn" của Bộ môn Phát triển nông thôn thực hiện năm 2011, báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm

1. <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Cai-cach-hanh-chinh/2011/11924/Nhung-van-de-dat-ra-trong-phan-cap-nha-nuoc-ve-quan.aspx>

nghèo của Bộ
chương trình x
2005 và 2006-7

Nghiên cứu
bày khái niệm
phân cấp quản
liên quan đến
giảm nghèo và
tỉnh Hòa Bình.

PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Khái niệm và phân cấp

Phân cấp
và phân bổ ng
các địa phương
thứ nhất, ai là
nhiệm đối với

Sự phân c
quyền ra quy
quốc gia thì
Thứ hai là ng
trong vùng q

Mục đích
trình tự chủ
phương. Nh
phương và m
thực tế địa p

Phân cấp
bỏ quên ở k
lực trung ư
mở rộng kh
trong lập kế

nghèo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và báo cáo tổng kết chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010.

Nghiên cứu này gồm có bốn nội dung chính: phần thứ nhất trình bày khái niệm liên quan đến phân cấp, phần thứ hai mô tả về cơ chế phân cấp quản lý hiện tại ở Việt Nam, phần thứ ba là những phân tích liên quan đến phân cấp trong quản lý, thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo và phần cuối cùng là một trường hợp nghiên cứu điển tại tỉnh Hòa Bình.

PHÂN CẤP QUẢN LÝ Ở VIỆT NAM

Khái niệm về phân cấp

Phân cấp có nghĩa là chuyển giao trách nhiệm quản lý, huy động và phân bổ nguồn lực từ Trung ương đến các đơn vị cấp bộ, ngành và các địa phương. Ngoài ra sự phân cấp có thể được hiểu theo hai chiều: thứ nhất, ai là người ra quyết định? và người ra quyết định chịu trách nhiệm đối với đối tượng nào? (Uphoff 1986: 221-222).

Sự phân cấp được thể hiện theo hai hướng: thứ nhất người có thẩm quyền ra quyết định thay vì trước đây thường ở trung tâm hay ở cấp quốc gia thì nay có thể ở cấp độ thấp hơn là cấp tỉnh, huyện hay xã. Thứ hai là người ra quyết định chịu trách nhiệm với các đối tượng nằm trong vùng quản lý của họ.

Mục đích của việc phân cấp quản lý là nhằm giúp thực hiện quá trình tự chủ xuất phát từ mong muốn và nhu cầu của người dân địa phương. Những người ở địa phương mới hiểu được điều kiện địa phương và mới có thể đưa ra những quyết định linh hoạt xuất phát từ thực tế địa phương.

Phân cấp quản lý giúp tăng sự tiếp cận của người dân trước đây bị bỏ quên ở khu vực nông thôn và cộng đồng địa phương tới các nguồn lực trung ương. Phân cấp ngoài ra còn giúp cải thiện sự tham gia và mở rộng khả năng của các tổ chức quản lý hành chính địa phương trong lập kế hoạch và quản lý phát triển ở địa phương. Tuy nhiên do

trình độ năng lực của các tổ chức ở các địa phương là không giống nhau cho nên việc phân cấp thường dẫn đến xu hướng tạo ra sự phát triển không cân xứng giữa các địa phương hoặc các vùng.

SỰ PHÂN CẤP VỀ TRÁCH NHIỆM, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ ĐỊA PHƯƠNG

Các tổ chức chính quyền

Dưới thời bao cấp, chính quyền địa phương tuy được coi là một cấp kế hoạch nhưng trên thực tế chỉ là cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên quyết định. Do vậy chính quyền địa phương các cấp luôn thụ động, thiếu sự sáng tạo, linh hoạt. Dưới tác động của sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, tình hình này đã có sự đổi khác. Thực hiện đổi mới và cải cách hành chính nhà nước, trong thời gian vừa qua, chính quyền Trung ương đã có sự phân cấp nhiều hơn cho chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là cho chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp cơ sở. Trên hầu hết các lĩnh vực như tài chính ngân sách, tổ chức bộ máy, nhân sự, đầu tư, đất đai... tùy theo vị trí mỗi cấp mà chính quyền địa phương có được những mức độ thẩm quyền khác nhau từ sự phân cấp của Trung ương. Sự phân cấp đã cho phép chính quyền địa phương các cấp có những hoạt động gắn với đặc điểm, tình hình địa phương. Bên cạnh việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho các cấp chính quyền địa phương, Trung ương đã chú trọng hơn tới việc chuyển giao cho chính quyền địa phương những nguồn lực tài chính, nhân lực để thực hiện. Việc gắn kết phân cấp chức năng nhiệm vụ với việc bảo đảm các điều kiện, nguồn lực đã giúp cho chính quyền các địa phương chủ động hơn, làm tốt hơn vai trò chức năng của mình.

Trong các cấp, Nhà nước là cơ quan quyền lực và quản lý cao nhất của mỗi quốc gia. Nhà nước có vai trò trong việc điều hành, gắn kết, quản lý chung tất các ban ngành, cơ quan, hệ thống chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, tạo sự hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp giữa các cấp nhằm đạt hiệu quả cao trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các vai trò chủ yếu của Nhà nước thể hiện trong: *hoạch định chính sách*,

chiến lược
thể chế,
động ph
cứu kho
nhà nướ
hỗ trợ c
bảo tồn,

Ủy b
P

Ủy
Distri

Ủy
C

C
diện t
thống

ương là không giống
hướng tạo ra sự phát
ác vùng.

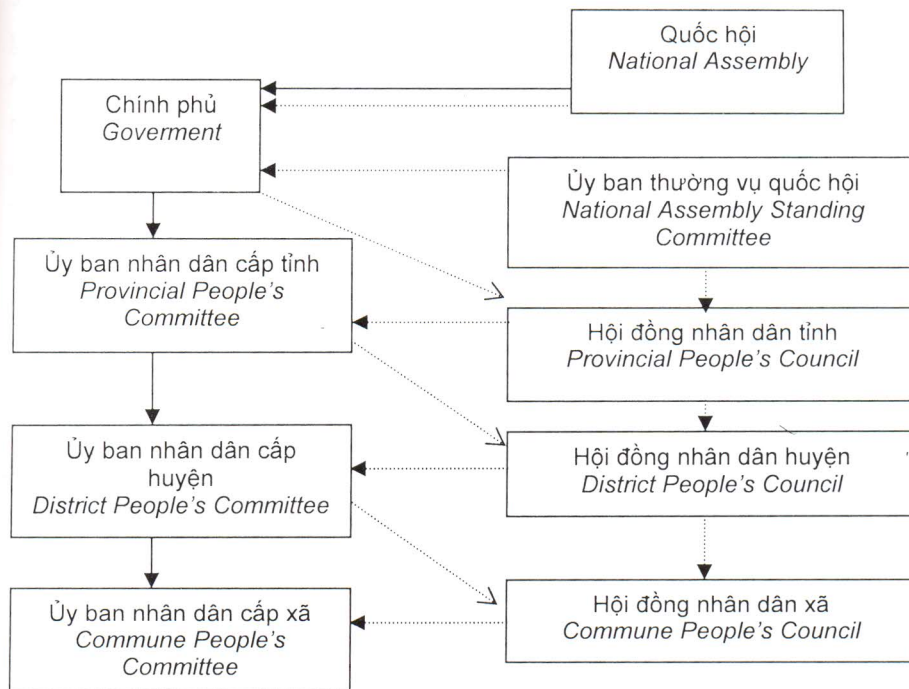
NĂNG VÀ NHIỆM ĐỊA PHƯƠNG

tuy được coi là một
n khai thực hiện các
yền địa phương các
uối tác động của sự
đã có sự đổi khác.
, trong thời gian vừa
hiều hơn cho chính
yền địa phương cấp
chính ngân sách, tổ
trí mỗi cấp mà chính
ền khác nhau từ sự
ép chính quyền địa
điểm, tình hình địa
n cho các cấp chính
ri việc chuyển giao
chính, nhân lực để
a với việc bảo đảm
ác địa phương chủ

à quản lý cao nhất
ành, gắn kết, quản
yền từ Trung ương
các cấp nhằm đạt
của đất nước. Các
định chính sách,

chiến lược, các chương trình quốc gia về phát triển nông thôn; ban hành thể chế, tạo dựng khung pháp lý về ngân sách và tài chính cho các hoạt động phát triển nông thôn; phát triển nguồn nhân lực; thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông thôn; đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển nông thôn; phát triển văn hóa - xã hội nông thôn, hỗ trợ các đối tượng chính sách, khắc phục những rủi ro bất thường và bảo tồn, phát triển môi trường nông thôn...

Sơ đồ 1: Phân cấp trong quản lý nhà nước



.....> Quan hệ giám sát (Supervisory Relationship)
————> Quan hệ lãnh đạo (Leadership Relationship)

Chính quyền cấp tỉnh, với tư cách là cấp hành chính có quy mô về diện tích, dân số và vị trí pháp lý có vai trò rất quan trọng trong hệ thống chính quyền địa phương và trong sự phát triển đời sống kinh tế -

xã hội trên địa bàn. Chính quyền địa phương cấp tỉnh không chỉ là cấp đầu tiên thực hiện triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương mà còn là cấp có đủ điều kiện để tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các công việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chính quyền cấp huyện nếu trong thời bao cấp được xem như một pháo đài của chủ nghĩa xã hội, được xác định là một cấp kế hoạch cơ bản, là đơn vị hành chính thực hiện quản lý toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn, thì khi kinh tế thị trường phát triển, huyện bộc lộ rõ là một cấp trung gian. Chính quyền huyện chỉ là cấp thực hiện các quyết định của cấp trên. Mặt khác, nhiều lĩnh vực hoạt động không còn như quản lý sản xuất kinh doanh hoặc là được tổ chức theo ngành dọc như y tế, giáo dục, tư pháp, an ninh - quốc phòng... Trên thực tế, vai trò, chức năng của chính quyền huyện đã thay đổi và bị thu hẹp rất nhiều. Nhiều việc tuy vẫn được pháp luật quy định nhưng chỉ là danh nghĩa.

Chính quyền cấp xã đang ngày càng tập trung vào các hoạt động quản lý hành chính, các hoạt động phục vụ cho sản xuất kinh doanh của tổ chức và nhân dân, tổ chức cuộc sống, sinh hoạt cộng đồng mang tính tự quản trên địa bàn các tổ chức khác.

Mỗi cấp độ hành chính cấp tỉnh, huyện, xã đều có hội đồng nhân dân (People's councils) và ủy ban nhân dân (People's committees). Ở mỗi cấp, ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân. Theo Luật về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân năm 1994, các thành viên trong hội đồng nhân dân sẽ được bầu 5 năm một lần, ở cấp xã Hội đồng nhân dân có khoảng từ 15 - 25 thành viên, 25 - 35 thành viên ở cấp huyện và ở cấp tỉnh là 45- 75 người. Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ở cấp nào thì chịu trách nhiệm quản lý cấp đó trong phạm vi lãnh thổ của mình. Theo pháp lệnh thì hội đồng nhân dân được cấp thẩm quyền quyết định kế hoạch, chủ trương chính sách, cũng như việc giám sát. Họ có thể quyết định các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển kinh tế, sử dụng đất, dân số, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, hộ tịch, tôn giáo và duy trì pháp luật, trật tự...

Ủy ban nh
sách và thực h
nhiệm hơn các
sau: lập kế h
nghiệp, nông
ngành công n
đường địa ph
y tế; bảo đảm
và thực thi ph
đồng nhân dân
Ở mỗi cá
mối liên hệ th
bộ (ministry)
phòng (office

Các tổ chức

Ở Việt N
chính trị, liên
xã hội, tổ chức
lớp xã hội, c
ngoài. Mặt tr
trị, là cơ sở c
Nam vừa là
quốc Việt N
toàn dân, bác
chủ ở nông t
sống văn hóa

Hội Cựu
chiến binh

cấp tỉnh không chỉ là cấp
g, chính sách của Trung
u, tự chịu trách nhiệm tổ
triển kinh tế - xã hội của
o cấp được xem như một
là một cấp kế hoạch cơ
àn diện các lĩnh vực của
trường phát triển, huyện
n huyện chỉ là cấp thực
hiểu lĩnh vực hoạt động
đặc là được tổ chức theo
nh - quốc phòng... Trên
huyện đã thay đổi và bị thu
ật quy định nhưng chỉ là

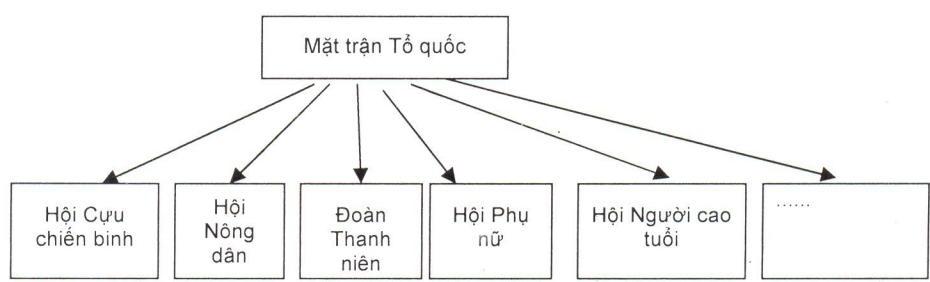
trung vào các hoạt động
no sản xuất kinh doanh
n hoạt cộng đồng mang
i đều có hội đồng nhân
People's committes). Ở
nh của hội đồng nhân
n và ủy ban nhân dân
ân dân sẽ được bầu 5
có khoảng từ 15 - 25
à ở cấp tỉnh là 45- 75
ân ở cấp nào thì chịu
h thổ của mình. Theo
n quyền quyết định kế
giám sát. Họ có thể
về phát triển kinh tế,
- quốc phòng, hộ tịch,

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng chi tiết chính sách và thực hiện chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm hơn các cấp khác trong phạm vi lãnh thổ của xã ở các lĩnh vực sau: lập kế hoạch, ngân sách, tài chính; tổ chức và thúc đẩy lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản và thủy lợi; khuyến khích phát triển ngành công nghiệp thủ công mỹ nghệ; tổ chức xây dựng các tuyến đường địa phương; quản lý thương mại và dịch vụ; duy trì các dịch vụ y tế; bảo đảm an toàn và an ninh trong khu vực; duy trì tự do tôn giáo và thực thi pháp luật và tổ chức bầu cử người đại diện quốc hội và hội đồng nhân dân.

Ở mỗi cấp hành chính có hình thành các cơ quan chuyên môn có mối liên hệ theo chiều dọc. Ở Trung ương, cơ quan chuyên môn gọi là bộ (ministry), cấp tỉnh gọi là sở (departement), ở cấp huyện gọi là phòng (office) và ở cấp xã gọi là ban (section).

Các tổ chức chính trị - xã hội

Ở Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* có vai trò thực hiện công tác vận động đại đoàn kết toàn dân, bảo vệ lợi ích chính đáng cho nhân dân, xây dựng cơ chế dân chủ ở nông thôn, xây dựng triển khai các chương trình xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn...



Đoàn Thanh niên đã có vai trò khá quan trọng trong tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho thanh niên nông thôn, là cầu nối giúp thanh niên nông thôn có sự liên kết tốt nhất trong việc tham gia phát triển kinh tế tại địa phương.

Hội Nông dân là tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất, đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của nông dân. Hội Nông dân Việt Nam đã tích cực hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xúc tiến việc xây dựng và thành lập hệ thống Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nhằm liên kết, mở rộng dạy nghề và giới thiệu việc làm cho nông dân. Đến nay, Hội đã thành lập được 43 trung tâm trực thuộc Trung ương Hội, các khu vực và các tỉnh, thành với 314 cán bộ quản lý, nghiệp vụ. Ngoài ra Hội còn phối hợp với các ngành chức năng bồi dưỡng hàng ngàn báo cáo viên, giảng viên chuyên môn phục vụ cho công tác truyền thông hướng nghiệp, dạy nghề, bồi dưỡng nâng cao kiến thức nghề nghiệp, kỹ thuật cho nông dân trong cả nước với các chương trình xây dựng mô hình sản xuất mới, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, tổ chức dịch vụ, hình thành các câu lạc bộ nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại...

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội thúc đẩy hoạt động của phong trào phụ nữ Việt Nam. Các cấp Hội phụ nữ đã vận động chị em tích cực hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động. Các phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", "Hũ gạo tình thương", "ống tiền tiết kiệm"... do Hội phát động, thu hút hàng triệu phụ nữ tham gia. Các hoạt động này tiết kiệm được hàng trăm triệu đồng, hàng chục tấn gạo, giúp nhiều phụ nữ nghèo khắc phục khó khăn trong cuộc sống. Gần đây nhất, cuộc vận động ủng hộ xây dựng, sửa chữa "Mái ấm tình thương" được triển khai sâu rộng đến 100% cơ sở Hội với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, thu hút hàng triệu phụ nữ và hàng trăm doanh nghiệp, nhà hảo tâm tham gia. Tính đến nay, số tiền ủng hộ đã

lên tới trên 45
khăn nhất. Cu
hiện phong trà
xây nhà đại đ
Nam phát độn

Hội Cựu c
các Cựu chiến
nhiều phong t
địa phương.

Các tổ ch
nay Việt Nam
quốc tế, trong
trợ sự phát tri
Âu, Bắc Mỹ v
yếu của các t
chăm sóc sức
trình và dự án

SỰ PHÂN
NGÂN SÁO
ĐÓI, GIẢM

Sự phân cá

Việt Nam
giảm nghèo
khởi xướng v
các hộ nghèo
Chương trình
với tên gọi l
trình này đã
trung ương v
Chương
chính sách li

lên tới trên 45 tỷ đồng và bước đầu đã được phân bổ tới 29 tỉnh khó khăn nhất. Cuộc vận động này là hoạt động thiết thực góp phần thực hiện phong trào "Vì người nghèo", xóa nhà tạm, tranh tre, dột nát và xây nhà đại đoàn kết do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội của các Cựu chiến binh. Trung ương hội Cựu chiến binh đã phát động nhiều phong trào thi đua phát triển nông thôn tới từng chi hội cơ sở ở địa phương.

Các tổ chức Phi chính phủ, theo Ủy ban viện trợ nhân dân, hiện nay Việt Nam đang có mối quan hệ với 650 tổ chức phi chính phủ quốc tế, trong số đó có 500 tổ chức có cam kết dài hạn trong việc hỗ trợ sự phát triển của Việt Nam. Đa số những tổ chức này đến từ châu Âu, Bắc Mỹ và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mối quan tâm chủ yếu của các tổ chức này quan là việc xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua việc thực hiện các chương trình và dự án ở nông thôn và các vùng sâu vùng xa khác.

SỰ PHÂN CẤP TRONG LẬP KẾ HOẠCH, QUẢN LÝ VÀ NGÂN SÁCH CHO CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

Sự phân cấp trong quản lý Chương trình xóa đói, giảm nghèo

Việt Nam được coi là nước có thành tựu nổi bật trong công cuộc giảm nghèo. Chương trình xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam được khởi xướng vào năm 1998 bằng Chương trình 133 có mục tiêu hỗ trợ các hộ nghèo trên toàn quốc. Sau đó Chương trình 133 kết hợp với Chương trình 120 vào năm 2001 và đến năm 2005 thì được biết đến với tên gọi là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Chương trình này đã huy động khoảng 19.000 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương và địa phương.

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo ban đầu có 6 chính sách liên quan đến lĩnh vực hỗ trợ về miễn giảm phí khám chữa

bệnh, miễn giảm học phí, hỗ trợ cho đồng bào dân tộc; hỗ trợ những người dân yếu thế bị tổn thương, hỗ trợ nhà ở và công cụ sản xuất. Ngoài ra Chương trình còn bao gồm 8 dự án về tín dụng, khuyến nông, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, đào tạo cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân di cư tại các vùng kinh tế mới, định canh định cư, ổn định dân cư tại các xã nghèo và phát triển các mô hình xóa đói, giảm nghèo để nhân rộng.

Ngày 21-5-2002 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo tại Văn bản số 2685/VPCP-QHQT. Văn bản Chiến lược toàn diện về Tăng trưởng và Xóa đói, giảm nghèo là chương trình hành động nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, cơ chế, chính sách, giải pháp chung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 của cả nước cũng như của từng ngành thành các giải pháp cụ thể có kèm theo lộ trình thực hiện. Đây là Chương trình hành động để thực hiện định hướng tăng trưởng kinh tế và xóa đói, giảm nghèo.

Song song với chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, Chương trình 135 hay còn gọi là Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn được Chính phủ phê duyệt vào tháng 7 - 1998. Có thể nói đây là một phần của Chương trình mục tiêu quốc gia được tách ra từ Chương trình xóa đói, giảm nghèo do có những yêu cầu riêng về thể chế.

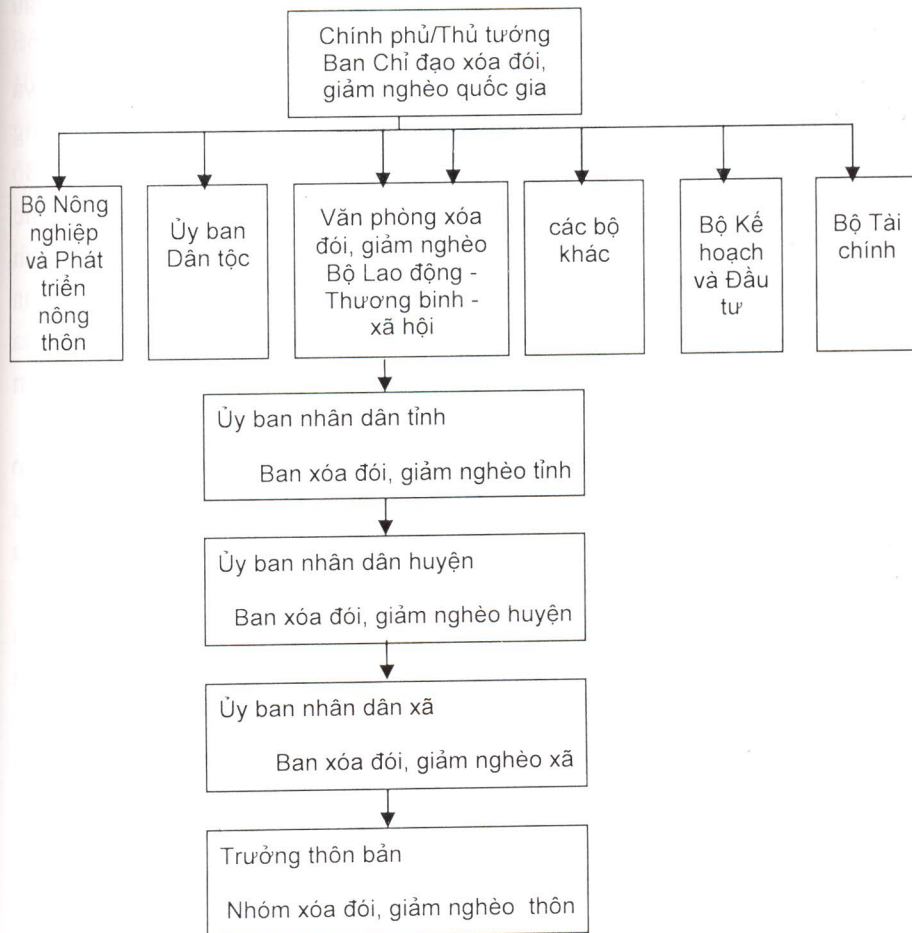
Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo được điều hành và thực hiện theo phương thức phân cấp. Cơ chế điều hành chương trình bao gồm 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Ở cấp Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý Chương trình, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài Chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế và Ngân hàng Nông nghiệp chịu trách nhiệm chỉ đạo chung. Các cơ quan này cùng với một số đoàn thể quần chúng (Mặt trận tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân) đều có đại diện tham gia Ban Chỉ đạo Chương trình xóa đói, giảm nghèo quốc gia do Phó Thủ tướng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối và giám sát chương trình.

Sơ đồ 2:



Tại các địa
điều hành Chu
trên địa bàn qu
hoặc tạm thời
nhân dân xã c
nghèo đều đượ
nghèo tham gia
bộ phận chuyên
viên giúp việc

Sơ đồ 2: Phân cấp quản lý Chương trình xóa đói, giảm nghèo



Tại các địa phương, ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhiệm khâu tổ chức điều hành Chương trình và chịu trách nhiệm về sử dụng các nguồn lực trên địa bàn quản lý. Khâu thực hiện được giao cho ủy ban nhân dân xã hoặc tạm thời cho ủy ban nhân dân huyện trong trường hợp ủy ban nhân dân xã có những hạn chế về năng lực. Các ban xóa đói, giảm nghèo đều được thành lập ở tất cả các tỉnh, hầu hết các huyện và xã nghèo tham gia Chương trình. Một số ủy ban nhân dân tỉnh, huyện có bộ phận chuyên trách về xóa đói, giảm nghèo hoặc một nhóm chuyên viên giúp việc cho họ và cho ban xóa đói, giảm nghèo trong công tác

điều hành và điều phối hàng ngày. Ủy ban nhân dân xã cũng có một đầu mối phụ trách xóa đói, giảm nghèo, các trường thôn chính là đầu mối xóa đói, giảm nghèo cấp thôn bản.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính đóng vai trò chủ chốt trong quá trình lập kế hoạch, cung cấp kinh phí và điều phối Chương trình. Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm cân đối nhu cầu trên cơ sở các nguồn lực hiện có và phân bổ kinh phí cho Chương trình. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và đầu tư và các cơ quan làm kế hoạch còn được giao là đầu mối của Chính phủ trong điều hành và điều phối các chương trình quốc gia tương ứng theo cấp quản lý. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lên ngân sách, cấp phát và kiểm soát việc sử dụng kinh phí.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp và đề xuất phương án phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia cho các tỉnh và các chương trình cụ thể sau khi đã được Ban Chủ nhiệm chương trình thông qua.

Ban Chủ nhiệm Chương trình được thành lập nhằm tạo cơ chế điều phối, giám sát và đánh giá. Các đơn vị chủ chốt tham gia thực hiện Chương trình là chính quyền các địa phương, cụ thể là tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm các công việc như: xây dựng chỉ tiêu, tổ chức, hướng dẫn và điều phối quá trình thực hiện và sử dụng nguồn lực của Chương trình tại địa phương.

Chính quyền xã và đoàn thể quần chúng chịu trách nhiệm lập kế hoạch trình lên cấp trên và thực hiện Chương trình. Cấp huyện đóng vai trò quan trọng trong khâu thực hiện bởi các phòng chuyên trách cung cấp dịch vụ như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trung tâm Khuyến nông, Sở/phòng giáo dục và y tế đều có trụ sở tại cấp huyện.

Phân cấp trong lập kế hoạch, ngân sách

Chính phủ phân bổ ngân sách cho Chương trình thông qua hai kênh:

- Kênh thứ nhất cho nhóm gồm 7 chính sách gồm: chính sách khuyến nông-lâm-ngư nghiệp, cơ sở hạ tầng cho các xã vùng ven biển và hải đảo; dạy nghề; nhân rộng mô hình giảm nghèo; nâng cao năng

lực giảm nghèo
tiêu chí và dự to
Bộ Tài chính
102/TTLT/BTC
Biểu đồ dươ

Bộ
ch

C

Sau khi C
kế hoạch

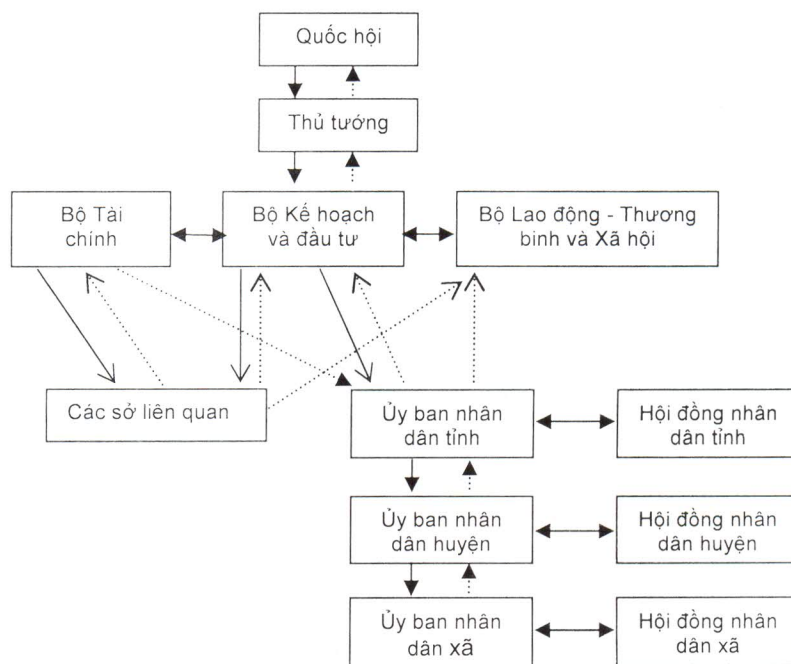


Ủy ban n
trình xây
Bộ Kế h
trước khi

- Kênh th
chính khác và
dụng ưu đãi c
sách xã hội và
số 78/2002/N

lực giảm nghèo; chính sách hỗ trợ pháp lý; và giám sát đánh giá. Các tiêu chí và dự toán cho ngân sách phân bổ theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 102/TTLT/BTC-LĐTBXH năm 2007.

Biểu đồ dưới đây mô tả quy trình phân bổ ngân sách của Chương trình



- Sau khi Quốc hội thông qua, Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính sẽ giao kế hoạch ngân sách cho các bộ, ngành liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh
-> Ủy ban nhân dân các cấp và các bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện Chương trình xây dựng kế hoạch thực hiện và ngân sách thường niên, sau đó gửi lên Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp và trình Thủ tướng xem xét trước khi trình quốc hội thông qua

- Kênh thứ hai là những chính sách còn lại được áp dụng cơ chế tài chính khác và có những thể thức thực hiện riêng biệt. Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo được thực hiện thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và cơ chế quản lý chính sách được quy định theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04-10-2002. Chính sách hỗ trợ về y tế cho

người nghèo được xây dựng theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15-10-2002 và được quy định theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế và Bộ Tài chính số 14/2002/TTLT-BYT-BTC. Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo được quy định bằng sáu quyết định và nghị định khác nhau từ năm 1997 - 2007.

Đầu tiên ủy ban nhân dân các cấp và các bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện Chương trình xây dựng kế hoạch thực hiện và ngân sách thường niên, sau đó gửi lên Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp và trình Thủ tướng xem xét trước khi trình quốc hội thông qua. Sau khi Quốc hội thông qua, Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính sẽ giao kế hoạch ngân sách cho các bộ ngành liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh.

Nhìn chung công tác điều phối và lồng ghép các hoạt động xóa đói, giảm nghèo được thực hiện chủ yếu thông qua quá trình lập kế hoạch hàng năm và thực hiện kế hoạch đặc biệt ở cấp tỉnh. Chính vì vậy, chính quyền tỉnh cụ thể là tỉnh ủy và ủy ban nhân dân là những đơn vị tham gia chủ chốt. Điều này được khẳng định bởi quyền tự quyết rộng rãi được giao cho các tỉnh trong việc phân bổ kinh phí.

Tại các địa phương đều thành lập ban chỉ đạo do chủ tịch hoặc phó chủ tịch làm trưởng ban làm nhiệm vụ điều phối và chỉ đạo chung. Các đoàn thể quần chúng cũng có vai trò tích cực trong xóa đói, giảm nghèo ở cấp cơ sở. Các tổ chức này đóng vai trò là cầu nối giữa bên Đảng và Chính phủ với người dân địa phương thông qua vận động. Các tổ chức này có mạng lưới rộng từ Trung ương đến địa phương điều này giúp họ có khả năng tập trung hỗ trợ trực tiếp cho những đối tượng hưởng lợi ở cấp cơ sở. Ngoài ra họ còn tạo điều kiện cung cấp các dịch vụ tín dụng cho người nghèo thông qua việc thành lập các nhóm tín dụng, làm trung gian giữa ngân hàng và nhóm đối tượng hưởng lợi hoặc đứng ra bảo lãnh tiền vay cho các hội viên của mình. Đặc biệt Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân còn tham gia ở nhiều mức độ khác nhau từ lựa chọn người được vay đến trực tiếp quản lý vốn trong hợp phần tín dụng cho người nghèo của Chương trình xóa đói, giảm nghèo. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan chủ chốt ở địa phương triệu tập thành lập Ban Thanh tra nhân dân cấp xã. Lãnh đạo

các cơ sở, các t
Liên hiệp Phụ
đó việc thực hi
cực đến chức
truyền tải các p
làm cùng cố cá
người dân tại đ

Những tồn đổi, giảm ng

Những tồn
đổi, giảm ngh
Thương binh v

Thứ nhất,
thể theo dõi v
các nguồn này
nhau rất lớn t
các hộ nghèo
khác nhau. Tu
giảm nghèo v
nhiệm thực h
quyền cấp xã
hoạch cấp xã
nhiên do kế h
phê duyệt nên
dựng kế hoạch

Theo báo
giữa lập kế h
ương đến địa
tham gia vào
động đến các
các cấp địa p
dưới lên và t
tính hình thức

các cơ sở, các tổ chức đoàn thể quần chúng như Hội Nông dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ thường đồng thời là đại biểu hội đồng nhân dân. Do đó việc thực hiện Nghị định dân chủ cơ sở đã mang lại tác động tích cực đến chức năng của các cơ sở đoàn thể quần chúng trong việc truyền tải các phản hồi của công dân tới hội đồng nhân dân và đã giúp làm củng cố các nhóm, các tổ chức quần chúng không chính thức của người dân tại địa phương.

Những tồn tại trong phân cấp quản lý Chương trình xóa đói, giảm nghèo

Những tồn tại trong quá trình phân cấp quản lý Chương trình xóa đói, giảm nghèo được Báo cáo đánh giá giữa kỳ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề cập đến như:

Thứ nhất, trong phân bổ nguồn lực của Chương trình, rất khó có thể theo dõi việc phân bổ từ nguồn ngân sách nhà nước và theo dõi các nguồn này được sử dụng như thế nào? Trong thực tế có sự khác nhau rất lớn trong nguồn lực phân bổ theo tỉnh dẫn đến kết quả các các hộ nghèo ở các vùng khác nhau được nhận hỗ trợ ở mức kinh phí khác nhau. Tuy nhiên, do phần lớn kinh phí của các dự án xóa đói, giảm nghèo vẫn do cấp huyện và tỉnh kiểm soát, trong khi trách nhiệm thực hiện lại nằm cấp xã, dẫn đến việc bị động của chính quyền cấp xã trong việc thực hiện. Mặc dù trong quá trình lập kế hoạch cấp xã có sự tham gia thảo luận của người dân địa phương, tuy nhiên do kế hoạch cuối cùng lại do ủy ban nhân dân huyện và tỉnh phê duyệt nên khiến cho chính quyền xã lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch dài hạn.

Theo báo cáo đánh giá giữa kỳ là trên thực tế, không có sự liên kết giữa lập kế hoạch hoạt động và lập kế hoạch ngân sách từ cấp Trung ương đến địa phương. Đối với ban thường trực ở các huyện, xã không tham gia vào quá trình phân bổ ngân sách nên không có cơ hội tác động đến các nguồn lực được phân bổ cho phù hợp với nhu cầu của các cấp địa phương. Báo cáo nhận định mối liên kết giữa thông tin từ dưới lên và thông tin từ trên xuống còn rất hạn chế, đôi khi chỉ mang tính hình thức. Ngoài ra ngân sách phân bổ từ Trung ương cũng không

ổn định dẫn đến khó khăn cho công tác lập kế hoạch dài hạn, chính vì vậy công tác lập kế hoạch từ cấp xã vẫn chưa mang tính thực tế.

Báo cáo cũng nhận định rằng nơi nào mà các xã chỉ thụ động hưởng lợi ích hoặc nhận hỗ trợ bằng hiện vật, ở đó khả năng thoát vốn lớn hơn do người dân thiếu trách nhiệm và thiếu sự tham gia. Phần lớn công việc theo dõi tỷ lệ hộ nghèo cũng được lái theo các mục tiêu ưu tiên cấp cao hơn và rất khác so với những gì trên thực tế.

Thứ hai, do phân cấp quản lý của Chương trình xóa đói, giảm nghèo theo hướng từ trên xuống, hệ thống phụ thuộc vào việc ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời và rõ ràng từ Trung ương cho các địa phương cho các hợp phần của chương trình. Việc chậm ban hành các hướng dẫn và sự thiếu rõ ràng của các văn bản từ cấp trung ương dẫn đến việc các địa phương sử dụng những văn bản hướng dẫn của năm trước đó. Ngoài ra, điều này còn gây ra sự lúng túng trong quá trình thực hiện, đặc biệt là các cán bộ dễ bị chỉ trích là vi phạm thủ tục. Khi các hướng dẫn được ban hành để thay thế các hướng dẫn tạm thời thì lại mất thời gian cho công tác hướng dẫn chỉ đạo thực tế. Điều này cho thấy các thủ tục hành chính của chúng ta tương đối công kênh, thiếu cơ chế khuyến khích cho các cấp địa phương triển khai chương trình.

Tồn tại thứ ba trong phân cấp đó là năng lực của cán bộ địa phương chưa đáp ứng được với những công việc mà họ được giao từ chương trình xóa đói, giảm nghèo. Ở cấp tỉnh, huyện, xã trách nhiệm giám sát được giao cho Ban Chỉ đạo giảm nghèo chủ yếu là trưởng ban các ngành. Tuy nhiên người được giao trách nhiệm không chỉ giám sát chương trình xóa đói, giảm nghèo mà còn cả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác do đó trong nhiều trường hợp cán bộ địa phương lơ là trong việc giám sát các hoạt động của Chương trình. Ngoài ra, tại các địa phương không có cán bộ chuyên trách hỗ trợ cho ban chỉ đạo tỉnh do nhân sự thay đổi, không bố trí biên chế cho cán bộ giảm nghèo.

Thứ tư, đó là sự thiếu minh bạch trong cung cấp thông tin từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã. Mặc dù xã là đối tượng hưởng lợi nhưng họ tiếp cận các thông tin về các dự án và chương trình rất hạn chế, nhất là đối với đồng bào miền núi, vùng sâu vùng xa. Cán bộ xã

cảm nhận hộ c
sách cũng như
huyện không t
các cấp liên q
huyện xuống x
tiết ngân sách
rõ ràng. Các x
chỉ phân bổ củ
lực phân bổ d
chương trình.
đầu vào cho v
cũng như khô
dưỡng vì vậy

TRƯỜNG H ĐÓI, GIẢM N

Phân cấp q Hòa Bình

Hoà Bình
du miền núi E
tỉnh Phú Thọ;
giáp tỉnh Hà N
Bắc xuống cả
quốc lộ 6, là
quan trọng tr
Bình được ch
yếu hai huyện
Son, Kim Bô
Canh 1.373m
hiểm trở, đi l
46% diện tích
Bôi, sông Bu

cảm nhận họ chưa được trao quyền để chất vấn các lý do phân bổ ngân sách cũng như nguyên nhân thay đổi các phân bổ này, trong khi đó cấp huyện không thông báo cho cấp xã về các nguyên nhân thay đổi. Giữa các cấp liên quan từ trung ương xuống tỉnh, từ tỉnh xuống huyện và từ huyện xuống xã có ít thông tin về quy trình phân bổ ngân sách và chi tiết ngân sách trong khi tiêu chí được xây dựng chung chung và không rõ ràng. Các xã chỉ lập kế hoạch giảm nghèo sau khi đã nhận được tiêu chí phân bổ của cấp huyện nhưng các thông tin không đầy đủ về nguồn lực phân bổ dẫn đến các xã gặp khó khăn trong việc tích cực triển khai chương trình. Trong thực tế cán bộ xã và người dân không đóng góp đầu vào cho việc ra quyết định về tính hợp lý của các khoản đầu tư cũng như không cam kết hỗ trợ tài chính cho quá trình vận hành bảo dưỡng vì vậy các công trình đầu tư thường không bền vững.

TRƯỜNG HỢP PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO TỈNH HÒA BÌNH

Phân cấp quản lý Chương trình xóa đói, giảm nghèo tỉnh Hòa Bình

Hoà Bình là tỉnh miền núi thuộc tiểu vùng Tây Bắc của vùng trung du miền núi Bắc Bộ, phía đông giáp thành phố Hà Nội, phía bắc giáp tỉnh Phú Thọ; phía tây giáp tỉnh Sơn La và Thanh Hóa, phía đông nam giáp tỉnh Hà Nam, Ninh Bình. Tỉnh nằm ở vị trí cửa ngõ của vùng Tây Bắc xuống cả nước, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 76 km theo đường quốc lộ 6, là khu vực đối trọng phía tây của Thủ đô Hà Nội, có vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ khu vực và cả nước. Tỉnh Hòa Bình được chia làm hai vùng: Vùng núi cao (phía Tây Bắc) gồm chủ yếu hai huyện Đà Bắc, Mai Châu và một số xã huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Kim Bôi, có độ cao trung bình từ 600-700m, cao nhất đỉnh Phu Canh 1.373m, độ dốc 30° - 35° , có nơi có độ dốc trên 40° . Địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn. Diện tích toàn vùng là 2.127,4 km², chiếm 46% diện tích tự nhiên toàn tỉnh; vùng núi thấp thuộc hệ thủy sông Bôi, sông Bưởi, sông Bùi, gồm các huyện Kỳ Sơn, Lương Sơn, Tân

Lạc, Kim Bôi, Yên Thủy, Lạc Thủy, Cao Phong và Thành phố Hoà Bình. Địa hình gồm các dải núi thấp, ít bị chia cắt, độ dốc bình quân $25^0 - 30^0$, độ cao tuyệt đối bình quân 200 - 300m, xen giữa các dải núi, đồi có nhiều núi, cánh đồng và thung lũng hẹp. Diện tích toàn vùng là 2535,1 km², chiếm 54 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Để đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, quản lý và thực hiện công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội tỉnh Hòa Bình đã hình thành một bộ máy công quyền với các sở ban ngành chức năng giúp việc, chịu trách nhiệm từng mảng công việc và lĩnh vực khác nhau. Tỉnh ủy Hòa Bình là cơ quan Đảng chịu trách nhiệm về đường lối, phương hướng phát triển chung của toàn tỉnh. Thực chất, bộ máy chính quyền của tỉnh chính là ủy ban nhân dân và ủy ban nhân dân tỉnh, ở cấp huyện là ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân huyện, và cấp xã là ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân xã. Các cơ quan chuyên môn giúp việc cho chính quyền cấp tỉnh là các sở, ban, ngành như Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế,... Ở các huyện, có các phòng ban tương ứng giúp việc cho ủy ban nhân dân huyện, và ở xã là các bộ phận chức năng tham mưu giúp việc cho ủy ban nhân dân xã. Toàn bộ các sở, ban, ngành ở từng cấp đã tạo nên bộ máy chính quyền, thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo, giúp đỡ và giám sát quá trình phát triển nông thôn của tỉnh.

Chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh Hòa Bình đã được tổ chức triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội. Tỉnh đã củng cố và kiện toàn bộ máy chỉ đạo Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của tỉnh. Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của tỉnh do đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của tỉnh là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thực hiện theo hình thức kiêm nhiệm). Các sở, ban, ngành với tư cách là thành viên của Ban Chỉ đạo chương trình đã phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức triển khai chỉ đạo thực hiện

chương trình thì
có sự phối hợp
các tổ chức do
binh, Đoàn Tha

Nhận thức
ủy và Ủy ban n
tỉnh tới các xã
Đảng và hội đò
Ủy ban nhân d
giảm nghèo trên
tỷ lệ nghèo đói
tỉnh chỉ đạo c
nghèo các cấp
xóa đói, giảm n
thực hiện rõ ràng
các tổ chức do
trình. Ngoài ra,
chức đoàn thể,
thiết thực, nhất
sách, dự án đã c
nhà nước, cộng

Các nhóm g

- Các chính
gồm: hỗ trợ về
thuế sử dụng đất
cụ lao động và c

- Các dự án

+ Nhóm cá
hộ nghèo vay
người nghèo cá
dựng mô hình
sâu, vùng cao, v

+ Nhóm cá
thuộc chương t

Chương trình theo sự phân công. Trong quá trình tổ chức thực hiện đã có sự phối hợp tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác xóa đói, giảm nghèo, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh tới các xã, phường, thị trấn xây dựng Nghị quyết của cấp ủy Đảng và hội đồng nhân dân về lãnh đạo công tác xóa đói, giảm nghèo. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã phê duyệt chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn, ưu tiên nguồn lực cho các xã khó khăn nhất có tỷ lệ nghèo đói cao và thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã thành lập Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo các cấp và thường xuyên kiện toàn củng cố bộ máy Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo. Có sự phân cấp và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện rõ ràng, cụ thể giữa các cấp, các ngành, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tham gia, giám sát thực hiện chương trình. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh còn phân công các ban, ngành, tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp giúp đỡ các xã nghèo với các nội dung thiết thực, nhất là nhiệm vụ xóa nhà tạm cho hộ nghèo. Một số chính sách, dự án đã được kế hoạch hóa từ cấp xã đến cấp tỉnh theo nguyên tắc nhà nước, cộng đồng và người dân cùng tham gia thực hiện.

Các nhóm giải pháp của Chương trình xóa đói, giảm nghèo bao gồm:

- Các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo bao gồm: hỗ trợ về y tế, về giáo dục, chính sách an sinh xã hội, miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, trợ giúp đối tượng nghèo về nhà ở, công cụ lao động và đất sản xuất.

- Các dự án hỗ trợ trực tiếp xóa đói, giảm nghèo gồm:

+ Nhóm các dự án xóa đói, giảm nghèo chung: dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh; dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư nghiệp; dự án xây dựng mô hình xóa đói, giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng cao, vùng ATK.

+ Nhóm các dự án xóa đói, giảm nghèo cho các xã nghèo không thuộc chương trình 135: dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã

nghèo (thuỷ lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt, chợ); dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề các xã nghèo; dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo; dự án xây dựng kinh tế mới ở các xã nghèo; dự án định canh, định cư ở các xã nghèo.

Kết quả thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2001-2005 và 2006 - 2010 tỉnh Hòa Bình

• Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ

Thông qua việc thực hiện chương trình nhận thức về trách nhiệm của các cấp, các ngành và chính người nghèo đã được nâng cao. Năm 2002, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với ủy ban nhân dân các huyện, thị xã mở 13 lớp tập huấn nâng cao năng lực làm công tác xóa đói, giảm nghèo và việc làm ở cơ sở cho 1.070 đối tượng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội của 214 xã phường và thị trấn và 70 đại biểu là thành viên của Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo và việc làm của 11 huyện, thị xã. Năm 2003, tập huấn cho 350 cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo ở các huyện thị xã và cán bộ cấp huyện. Năm 2004, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với ủy ban nhân dân các huyện, thị xã mở 5 lớp tập huấn nâng cao năng lực làm công tác xóa đói, giảm nghèo và việc làm ở cơ sở cho 642 đối tượng là cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo của 36 xã nghèo ngoài Chương trình 135/CP. Năm 2005, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức tập huấn cho 214 cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo của 214 xã, phường và thị trấn.

Giai đoạn 2006-2010 đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho 2.322 cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo cấp xã. Xuất bản 50.000 bản tin xóa đói giảm nghèo cấp đến tận cơ sở để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, những mô hình hay, những điển hình tiên tiến trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Thực hiện chương trình hợp tác với tổ chức hỗ trợ giảm nghèo GTZ (Cộng hòa Liên bang Đức) đã mở được 6 khóa đào tạo phát triển kinh tế địa

phương c
phát triển
ong cho

• Dự

Tron

hội tỉnh l

nghèo và

Từ năm 1

hội tỉnh l

nợ lên 82

Chính sá

85.958 k

bằng 537

67.387 k

trâu, bò;

gia cầm k

Với n

nghèo Vi

hộ nghèo,

vốn này c

người lao

Giai c

đã cho h

đồng; Dự

vay 13.00

hộ vay đã

cầm khác,

thâm canh

• Hỗ t

Từ n

được 5.67

từ nguồn

Nhà Tỉnh

thể là 500

phương cho 150 cán bộ cấp tỉnh đến cấp xã, 12 khóa đào tạo kỹ năng phát triển kinh tế hộ gia đình cho 360 hộ nghèo, 4 lớp kỹ thuật nuôi ong cho 100 hộ dân.

• *Dự án tín dụng cho hộ nghèo*

Trong giai đoạn 2001-2005, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hoà Bình đã cho 82.572 lượt hộ nghèo vay vốn, đạt tỷ lệ hộ nghèo vay vốn 79,18%; tỷ lệ hộ nghèo chưa được vay vốn là 20,82%. Từ năm 2001 đến hết năm 2005 chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hoà Bình đã cho vay được 293.991 triệu đồng, đưa tổng số dư nợ lên 829.989 triệu đồng. Với nguồn vốn trên chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hoà Bình đã hỗ trợ cho hộ nghèo mua được 85.958 kg hạt giống các loại bằng 596,8 triệu đồng; 79.850 cây giống bằng 537,2 triệu đồng; 197.800 kg phân bón bằng 716,4 triệu đồng; 67.387 kg thuốc trừ sâu các loại bằng 302,7 triệu đồng; 24.174 con trâu, bò; 31.164 con lợn; 92.700 kg thức ăn gia súc và hàng ngàn con gia cầm khác.

Với nguồn vốn 6.128 triệu đồng của Dự án tín dụng xóa đói, giảm nghèo Việt - Đức (KFW), tỉnh Hoà Bình đã giải ngân cho 5.424 lượt hộ nghèo, đến nay doanh số cho vay là 12.805 triệu đồng. Bằng nguồn vốn này cùng với một số nguồn vốn khác đã tạo công ăn việc làm giúp người lao động tăng thêm thu nhập xóa đói, giảm nghèo.

Giai đoạn 2006-2010 Quỹ tín dụng ưu đãi từ ngân sách nhà nước đã cho hàng trăm ngàn lượt hộ nghèo vay với số vốn 164.030 triệu đồng; Dự án tín dụng xóa đói, giảm nghèo Việt - Đức (KFW) đã cho vay 13.005 lượt hộ để đầu tư sản xuất; từ nguồn vốn vay của dự án các hộ vay đã mua được 1.675 con trâu, bò và trên 86.450 con gia súc, gia cầm khác, trên 100 xe bò và các loại máy móc phục vụ nông nghiệp, thâm canh trồng trọt trên 700 ha lúa và hoa màu.

• *Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở*

Từ năm 2000 đến nay tỉnh Hoà Bình đã xây dựng và sửa chữa được 5.679 nhà ở cho hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó từ nguồn Quyết định 134 là 3.600 nhà, Nhà Đại đoàn kết là 1.079 nhà, Nhà Tình nghĩa là 500 nhà, từ nguồn của các ban, ngành, tổ chức đoàn thể là 500 nhà, với tổng kinh phí thực hiện là trên 70 tỷ đồng trong đó

ngân sách trung ương và của tỉnh 21,6 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ từ các nguồn khác gần 50 tỷ đồng. Đến nay toàn tỉnh đã hoàn thành mục tiêu xoá nhà tạm, nhà xiêu vẹo, xoá hộ đói nghèo cho thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ.

- *Hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục*

Giai đoạn 2001-2005, Thực hiện Quyết định 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo, tỉnh Hoà Bình đã mua thẻ khám chữa bệnh cấp cho 123.355 người nghèo và 249.477 đối tượng thuộc 102 xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu. Hiện nay toàn tỉnh có 100% số xã có trạm y tế xã, trong đó có 3 trạm xá quân dân y kết hợp nhờ sự giúp đỡ của Quân khu 3. Do vậy, phần nào đã cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh thông thường tại chỗ cho đồng bào dân tộc trong xã và các xã lân cận. Đồng bào đã đ-
ược tiếp cận với các dịch vụ y tế, xoá bỏ tập tục chữa bệnh lạc hậu đã tồn tại trong đời sống cộng đồng. Đã tiến hành khám chữa bệnh miễn phí cho hơn 30.000 lượt người nghèo. Đồng thời miễn giảm học phí, các khoản đóng góp và trợ cấp xã hội và học bổng cho 69.036 con em thuộc hộ nghèo đang theo học ở các trường trong và ngoài tỉnh.

Giai đoạn 2006-2010 đã tiến hành cấp thẻ khám chữa bệnh cho 811.113 lượt người trong đó 265.472 lượt người thuộc diện hộ nghèo và 545.641 lượt người thuộc vùng 135, Chương trình 229 và đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn. Đã xét miễn giảm học phí, các khoản đóng góp và học bổng cho 84.745 lượt người là con em thuộc hộ nghèo, con em vùng 135 đang theo học ở các trường trong và ngoài tỉnh; 3.931 lượt học sinh, sinh viên nghèo được vay số vốn 160.030 triệu đồng.

- *Chính sách an sinh xã hội*

Hiện nay tỉnh Hoà Bình đang trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên cho 3.970 đối tượng xã hội sống ở cộng đồng với mức 50.000đ/người/tháng. Ngoài ra, tỉnh còn cứu trợ đói giáp hạt, giáp tết và khi thiên tai xảy ra cho trên 67.000 lượt hộ với kinh phí hơn 3 tỷ đồng.

- *Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn*

Chính sách được thực hiện từ năm 2001, tổng vốn ngân sách Trung ương giao trong 5 năm (2001 - 2005) là 3.000 triệu đồng, thực

hiện hỗ t
biệt khó
Thực hiện
Ủy ban D
tiếp cho c
sinh hoạt
bón...). M
đến 1 triệu
cho 571 h

Chính
ôn định đờ
giảm nghèo

- *Hỗ tr*

Trong
các nghề tr
rộng những
hút và giải c
có việc làm
đồng/người/
truyền thông
Đời sống của

- *Khuyế*

Giai đoa
1.566 triệu đ
thuật vào sả
tờ rơi về kỹ
cuốn tài liệu
chuyên giao l
cây ăn quả, c
ruộng lúa và r
phát thanh - tr

- *Quy ho*

Tỉnh Hoà
trung tâm cụm

hiện hỗ trợ cho 13.955 hộ, tập trung chủ yếu cho 5 dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn là Mường; Dao; Mông; Tày; Thái trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 912/TT-UBDTMN của Ủy ban Dân tộc và Miền núi, tập trung vào hai nội dung là: hỗ trợ trực tiếp cho các hộ về đời sống (lương thực, quần áo, chăn màn, dụng cụ sinh hoạt gia đình); hỗ trợ sản xuất (giống cây trồng, vật nuôi, phân bón...). Mức hỗ trợ bình quân từ 300.000 đ/hộ cho hỗ trợ về đời sống, đến 1 triệu đồng/hộ cho hỗ trợ phát triển sản xuất. Đã hỗ trợ sản xuất cho 571 hộ với tổng kinh phí là 571 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đã góp phần ổn định đời sống, sản xuất cho các hộ đặc biệt khó khăn thực hiện xoá đói giảm nghèo, củng cố lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

- *Hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề*

Trong 5 năm qua 2001-2010, tỉnh đã quan tâm và chỉ đạo khôi phục các nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp của các địa phương, nhân rộng những mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, thu hút và giải quyết lao động tại chỗ. Những mô hình này đã giúp người dân có việc làm ổn định và mức thu nhập bình quân khoảng 250.000 đồng/người/tháng. Nhiều người có tay nghề thành thạo trong các nghề truyền thống có thu nhập từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng/người/tháng. Đời sống của người dân ở vùng này được cải thiện đáng kể.

- *Khuyến nông, lâm, ngư nghiệp cho người nghèo*

Giai đoạn 2001-2005 kế hoạch giao 1.600 triệu đồng, đã thực hiện 1.566 triệu đồng, đạt 97,8% kế hoạch giao. Đã mở lớp chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất cho 2.603 lượt hộ nghèo, in ấn và phát hành 2 vạn tờ rơi về kỹ thuật gieo trồng lúa lai, ngô lai, cây ăn quả và in 1 vạn cuốn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trên đất dốc; xây dựng 47 mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật như thâm canh lúa, ngô cao sản, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cải tạo vườn tạp, mô hình nuôi cá trên ruộng lúa và nhân giống gà Mông. Thông tin tuyên truyền trên báo, đài phát thanh - truyền hình tỉnh.

- *Quy hoạch trung tâm cụm xã và kết quả thực hiện*

Tỉnh Hoà Bình quy hoạch 52 trung tâm cụm xã, trong đó có 19 trung tâm cụm xã nằm trên địa bàn các xã thuộc Chương trình 135.

Với tổng vốn đầu tư xây dựng trong 7 năm (1999-2005) là 51.234 triệu đồng đã đầu tư xây dựng 62 công trình thuộc 17 trung tâm cụm xã, gồm: 17 công trình chợ, vốn đầu tư 18.255 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 35,63% tổng vốn đầu tư; 10 công trình trường học, vốn đầu tư 7.527 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,69% tổng vốn đầu tư; 3 công trình điện với vốn đầu tư 1.868 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,64% tổng vốn đầu tư; 12 công trình đường giao thông nội trung tâm cụm xã, vốn đầu tư 10.216 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 19,94% tổng vốn đầu tư; 09 công trình nước sinh hoạt, vốn đầu tư 3.947 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 7,70% tổng vốn đầu tư; xây mới và cải tạo 08 công trình y tế, vốn đầu tư 6.441 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 12,57% tổng vốn đầu tư; 01 công trình san tạo mặt bằng, vốn đầu tư 2.354 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 4,59% tổng vốn đầu tư; 01 công trình trạm phát lại truyền hình vốn đầu tư 304 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,59% tổng vốn đầu tư; 01 công trình sân văn hoá thể thao, vốn đầu tư 322 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,62% tổng vốn đầu tư.

• *Dự án định canh định cư*

Giai đoạn 2001-2005, kế hoạch giao 10.257 triệu đồng, đã thực hiện 10.121 triệu đồng đạt 98,6%. Hỗ trợ khai hoang, phục hoá 200 ha, khoanh nuôi bảo vệ 4.898 ha rừng, trồng mới 207 ha và chăm sóc 377 ha chè tuyệt, hỗ trợ giống lúa lai, ngô lai cây ăn quả, cây dược liệu cho 11.736 hộ sản xuất đạt kết quả cao; xây dựng 3 trường học, 7 công trình thủy lợi; xây dựng 03 lò sấy dược liệu; cải tạo nâng cấp 4 công trình giao thông.

• *Dự án kinh tế mới*

Giai đoạn 2001-2005, kế hoạch giao 898 triệu đồng, đã thực hiện 874 triệu đồng, đạt 97,3% kế hoạch giao. Giãn dân nội vùng dự án cho 200 hộ, đón 50 hộ dân vào vùng dự án, xây dựng một công trình thủy lợi.

• *Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã nghèo, đặc biệt khó khăn*

Qua 7 năm thực hiện Chương trình 135 ở tỉnh Hoà Bình, với tổng vốn kế hoạch giao là 281.994 triệu đồng (trong đó có 13.000 triệu đồng bổ sung năm 2005 bằng nguồn vốn FID), đã xây dựng được 549 công trình, cơ cấu đầu tư như sau: 138 công trình giao thông, vốn đầu tư 92.839 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 32,92% tổng vốn đầu tư; 78 công trình

thủy lợi, v
đầu tư; 29
chiếm tỷ lệ
40.799 triệu
trường học
vốn đầu tư
0,35% tổng
chiếm tỷ lệ
ruộng màu,
đầu tư. Để
dụng, các c
hoàn thành

Giai đo
sở hạ tầng
trình giáo d
công trình c
hoạt; 11 tr
công trình c

• *Chính*

Giai đo
số bằng 28
nhà ở.

• *Lao đ*

Từ năm
quyết việc
450.000 lao
làm trong 5
tích cực gó
xuống còn
nông thôn l

Thực hi

Giai đo
nguồn vốn
triệu đồng, s

thuỷ lợi, vốn đầu tư 30.144 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 10,69% tổng vốn đầu tư; 29 công trình nước sinh hoạt, vốn đầu tư 11.537 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 4,09% tổng vốn đầu tư; 64 công trình điện, vốn đầu tư 40.799 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,46% tổng vốn đầu tư; 234 công trình trường học, vốn đầu tư 100.510 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 35,64% tổng vốn đầu tư; 5 trạm y tế xã, vốn đầu tư 998 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,35% tổng vốn đầu tư; 01 công trình chợ, vốn đầu tư 502 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,17% tổng vốn đầu tư; khai hoang 1.273 ha ruộng nước và ruộng màu, vốn đầu tư 4.665 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,65% tổng vốn đầu tư. Đến nay đã có 478 công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, các công trình đều phát huy hiệu quả. Các công trình còn lại sẽ hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng vào cuối năm 2005.

Giai đoạn 2006-2010 đã có 472 lượt xã được đầu 520 công trình cơ sở hạ tầng với tổng kinh phí 328.666 triệu đồng, trong đó có 108 công trình giáo dục; 174 công trình giao thông; 116 công trình thuỷ lợi; 46 công trình điện; 51 nhà sinh hoạt động đồng; 11 công trình nước sinh hoạt; 11 trạm y tế xã và 3 chợ. Cơ bản các xã khó khăn đã có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu như: điện, đường, trường, trạm.

- *Chính sách hỗ trợ đất sản xuất*

Giai đoạn 2001-2005 thực hiện hỗ trợ 342 hộ nghèo dân tộc thiểu số bằng 284 triệu đồng; 14.357 hộ dân tộc thiểu số được hỗ trợ làm nhà ở.

- *Lao động việc làm*

Từ năm 2001-2005 bình quân mỗi năm tỉnh Hòa Bình đã giải quyết việc làm mới cho 1,4 vạn lao động, duy trì việc làm cho gần 450.000 lao động đã có việc làm. Nhìn chung công tác giải quyết việc làm trong 5 năm qua đã đáp ứng cơ bản các yêu cầu đặt ra, có tác dụng tích cực góp phần hạ tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2005 xuống còn 5,02%, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 79,98% và nâng thu nhập, mức sống người lao động.

- *Thực hiện quỹ quốc gia giải quyết việc làm do địa phương quản lý:*

Giai đoạn 2001 - 2005 đã xét duyệt cho vay 2.063 dự án bằng nguồn vốn ngân sách trung ương cấp với tổng số vốn vay là 36.178 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 11.166 lao động.

Chương trình xuất khẩu lao động thực hiện theo mô hình gắn kết giữa chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan đoàn thể với các doanh nghiệp chuyên xuất khẩu lao động trong và ngoài tỉnh. Ban chỉ đạo xuất khẩu lao động tỉnh đã chỉ đạo có hiệu quả đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai thực hiện đề án. Kết quả năm 2003 đã có trên 1.800 người đăng ký và được các doanh nghiệp sơ tuyển và đào tạo để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Năm 2004 đã có trên 4.000 người được xuất cảnh sang Malaixia, Đài Loan, v.v..

Thực hiện chương trình đào tạo dạy nghề

Công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề đã được coi trọng và liên tục phát triển từ năm 2001 đến nay. Với 3.634 người được học nghề của năm 2001 thì đến nay đã có trên 6.000 người được đào tạo nghề mỗi năm. Lĩnh vực, ngành nghề đào tạo luôn được gắn liền với nhu cầu của thị trường sức lao động, do vậy hầu hết lao động qua đào tạo đều có việc làm phù hợp; ngoài ra, tỉnh còn có định hướng đào tạo nghề phục vụ cho xuất khẩu lao động.

Trong năm 2005 đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, tạo điều kiện để các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo nghề dài hạn cho 5.830 người, đào tạo ngắn hạn cho 9.670 người. Ngoài ra, hiện nay tỉnh đang được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thí điểm dạy nghề nội trú cho 180 học sinh con, em dân tộc trong tỉnh và phát triển đào tạo nghề cho nông dân.

Giai đoạn 2006-2010 đã có 55.620 lao động được tuyển sinh học nghề. Tuy nhiên quy mô tuyển sinh trung cấp nghề và cao đẳng nghề còn thấp mới đạt 17,28%, số còn lại là đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên chiếm trên 80% số lượng tuyển sinh.

Kết quả tuyển sinh học nghề các năm đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung tăng từ 17,34% năm 2005 lên 30% năm 2010. Trong đó, tỷ lệ qua đào tạo nghề tăng từ 8,84% năm 2005 lên 25,1% năm 2010 chưa tính đến số lao động được các ngành và các doanh nghiệp đào tạo, ước tính có hơn 8.000 người được đào tạo thông qua các chương trình dự án của các sở, ngành, đơn vị như: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Trung tâm

khuyến nông - khác, v.v..

• *Hỗ trợ p*

Tổ chức t

Trung tâm trợ pháp lý tại các người là chủ n bộ trợ giúp ph tuyên truyền đ được cho 7.08

Đặt 35 biê

28.500 tờ gấp p

pháp lý lưu độn

đó tuyên truyền

kinh phí cho cá

Đánh giá ch giảm nghèo

Theo đánh tỉnh, kinh phí đúng mục tiêu tổ chức thực khai, dân chủ cùng cố được Đảng, với Nhà

Hàng năm

Chương trình

thị xã trong tỉ

đổi, giảm nghề

Hòa và Đồng

quan học tập

đổi, giảm nghề

xã, phường, th

khuyến nông - khuyến lâm, Công ty may Sông Đà, các doanh nghiệp khác, v.v..

- *Hỗ trợ pháp lý cho người nghèo*

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo thông qua Trung tâm trợ giúp pháp lý giai đoạn 2005-2006, 37 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo, tổ chức 05 lớp tập huấn nghiệp vụ cho 109 người là chủ nhiệm và một số thành viên trong Ban chủ nhiệm câu lạc bộ trợ giúp pháp lý. Thông qua sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý đã tuyên truyền đến 35.000 lượt người nghèo và tổ chức trợ giúp trực tiếp được cho 7.089 lượt người.

Đặt 35 biển thông tin về trợ giúp pháp lý tại các xã và biên soạn, in 28.500 tờ gấp pháp luật để tuyên truyền; tiến hành tổ chức 67 đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã nghèo thực hiện trợ giúp 1.853 việc thông qua đó tuyên truyền cho trên 4.300 lượt người tham dự trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí cho các hoạt động trợ giúp pháp lý là 450 triệu đồng.

Đánh giá chung về kết quả thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo tỉnh Hòa Bình

Theo đánh giá của ban chỉ đạo Chương trình xóa đói, giảm nghèo tỉnh, kinh phí hằng năm đã thực hiện đầu tư tập trung đúng đối tượng, đúng mục tiêu, sử dụng đúng mục đích. Trong suốt quá trình triển khai tổ chức thực hiện Chương trình đã bảo đảm được nguyên tắc công khai, dân chủ với dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Qua đó, đã củng cố được lòng tin của nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với Đảng, với Nhà nước.

Hằng năm đều tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xóa đói giảm nghèo ở 11 huyện, thị xã trong tỉnh. Đồng thời tiến hành nhân rộng những mô hình xóa đói, giảm nghèo tiên tiến như mô hình xóa đói, giảm nghèo ở 2 xã Liên Hòa và Đồng Môn huyện Lạc Thủy. Thông qua các đợt tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực làm công tác xóa đói, giảm nghèo cho cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo của các xã, phường, thị trấn.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm của tỉnh Hòa Bình còn tồn tại một số khó khăn trong quá trình phân cấp quản lý như:

- Mặc dù đã có sự phân cấp trong quản lý Chương trình từ tỉnh, huyện, xã nhưng tại một số xã, các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa chủ động xây dựng được chương trình và giải pháp xóa đói giảm nghèo từ xã, thôn, bản và đến hộ gia đình. Chính quyền và các ban ngành còn lúng túng trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo với các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội khác. Chính vì vậy, kết quả công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh Hòa Bình chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tế. Tiềm năng kinh tế địa phương chưa được phát huy và khai thác triệt để.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo ở các xã trong tỉnh hầu hết là kiêm nhiệm, không chuyên trách. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm còn hạn chế vì vậy đã phần nào chi phối và ảnh hưởng trực tiếp tới việc chỉ đạo chương trình xóa đói, giảm nghèo.

- Công tác tuyên truyền giáo dục để nâng cao trình độ nhận thức về chương trình xóa đói giảm nghèo trong quần chúng nhân dân ở một số cấp ủy Đảng cơ sở chưa được thường xuyên vì vậy trình độ nhận thức về công tác xóa đói, giảm nghèo ở một số nơi còn hạn chế.

- Ngoài ra, mặc dù tỷ lệ hộ nghèo hằng năm có giảm nhưng tính bền vững chưa cao do vẫn còn có những hộ tái nghèo tập trung chủ yếu ở các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn và những vùng thường xảy ra thiên tai. Bản thân một số hộ nghèo đói chưa có quyết tâm cao vươn lên để tự mình vượt qua đói nghèo. Nhiều hộ nghèo còn có tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, vào sự giúp đỡ của cộng đồng. Một số bộ phận đói nghèo do kiến thức còn hạn chế nên khi hỗ trợ cho vay vốn không phát huy được hiệu quả của đồng vốn, nên dẫn đến nợ quá hạn, không có khả năng trả. Thậm trí nhiều hộ đói nghèo không dám vay vốn. Ngân hàng người nghèo không dám đưa vốn giúp hộ đói nghèo vì sợ không thu được gốc và lãi.

Thực
cho thấy
ché cho s
Một sự ph
sự tham g

Phân
Chương tr
ở tất cả cá
đạt được
cấp đến cá
giá tổng k
cáo mới c
quan đến
chưa đề cập

Một tr
hướng thị
nguồn lực
của cộng
theo hướng
bám kịp v
trở thành r
xã hội. Ch
tăng và sự
thuận xã h
Việt Nam
thống đã d
hội bị lãng
hiện đại¹.
phát triển c

1. Boris
học, Nxb. Kh

KẾT LUẬN

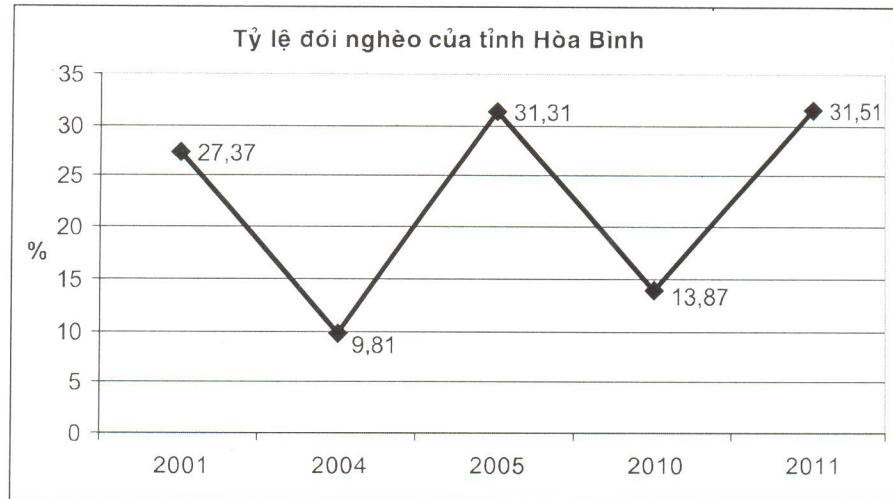
Thực tế phân cấp quản lý trong Chương trình xóa đói, giảm nghèo cho thấy đề hình thức phân cấp thể hiện được đầy đủ ý nghĩa, thì cơ chế cho sự tham gia đóng vai trò chủ đạo trong quá trình ra quyết định. Một sự phân cấp tổng thể cần phải dựa trên sự chuyển giao quyền lực, sự tham gia và cần thiết phải duy trì mối liên hệ giữa các bên.

Phân cấp ở Việt Nam trong việc quản lý, lập kế hoạch và thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo đã được thực hiện tương đối bài bản ở tất cả các cấp từ Trung ương cho đến địa phương tuy nhiên lại không đạt được hiệu quả như mong đợi. Trong các phần trên, bài viết đã đề cập đến các tồn tại trong quá trình phân cấp được đúc rút bởi các đánh giá tổng kết của Chương trình xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên các báo cáo mới chỉ nhìn thấy được các tồn tại xuất phát từ các tác nhân liên quan đến sự vận hành của Chương trình xóa đói, giảm nghèo, nhưng chưa đề cập đến các yếu tố bên ngoài.

Một trong những yếu tố đó là quá trình phát triển kinh tế theo định hướng thị trường theo hướng hiện đại hóa với việc tư nhân hóa các nguồn lực sản xuất trong hơn 20 năm qua đã dẫn phá hủy tính cố kết của cộng đồng nông thôn Việt Nam. Xu hướng phát triển dường như theo hướng phát triển lợi ích của các cá nhân, ai có năng lực thì có thể bám kịp với xu hướng phát triển và những người không có năng lực sẽ trở thành những người nghèo trong xã hội và trở thành gánh nặng của xã hội. Chính vì vậy mà sự bất bình đẳng trong xã hội ngày một gia tăng và sự chênh lệch giàu nghèo ngày một cao. Sự đoàn kết, đồng thuận xã hội - nếu trước kia là một nét đẹp trong cộng đồng nông thôn Việt Nam - thì nay đã dần mai một. Chính vì các giá trị xã hội truyền thống đã dần bị mất đi trong xã hội hiện đại đã khiến cho giới hạn xã hội bị lãng quên dẫn cá nhân tới một tình trạng vô tổ chức trong xã hội hiện đại¹. Điều này dẫn tới sự thờ ơ trong các công việc vì mục đích phát triển của cộng đồng. Đây chính là một trong những nguyên nhân

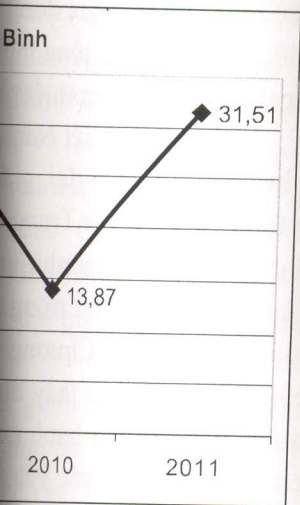
1. Boris Lojkine, Beroit de Treglode: *Một số vấn đề về xã hội học và nhân loại học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.

khiến cho sự phân cấp mặc dù đã được thực hiện nhưng không đạt hiệu quả vì trong xã hội hiện đại, rất khó để các cá nhân từ bỏ lợi ích khi cái lợi ích đó có được do quyền lực đem lại.



Lý do thứ hai dẫn đến việc phân cấp không đạt hiệu quả đó là do các chính sách phát triển kinh tế theo hướng hiện đại hóa của Chính phủ. Mặc dù điều kiện sống của người dân nông thôn đã có bước chuyển biến tích cực trong hơn 20 năm nhưng sự thay đổi này cũng kèm theo những biến đổi tạo ra rất nhiều vấn đề tiềm ẩn. Các chiến lược xuất khẩu nông nghiệp, công nghiệp hóa chăn nuôi, công nghiệp hóa nông thôn đã bộc lộ ngày càng rõ nét những nhược điểm của nó thậm chí dẫn đến sự phá hủy cộng đồng làng xã và môi trường, điều này đôi khi dẫn đến việc phá hủy hoàn toàn cuộc sống của người nông dân và làm mất khả năng duy trì một nền nông nghiệp bền vững. Sự bất bình đẳng cũng vì thế mà phát sinh trong cộng đồng nông thôn, giữa nông thôn và thành thị. Dường như các chương trình xóa đói, giảm nghèo cố gắng cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của người nghèo thì các chính sách phát triển kinh tế lại không những đạp đổ nó mà còn tăng thêm đối tượng hưởng lợi cho chương trình xóa đói, giảm nghèo. Trường hợp ở tỉnh Hòa Bình là một thí dụ điển hình minh họa cho nhận định này. Biểu đồ bên thể hiện tỷ lệ đói nghèo của tỉnh Hòa

hiện nhưng không đạt hiệu
ả nhân từ bỏ lợi ích khi cái



ng đạt hiệu quả đó là do
hiện đại hóa của Chính
nông thôn đã có bước
ng sự thay đổi này cũng
n đề tiềm ẩn. Các chiến
chăn nuôi, công nghiệp
ững nhược điểm của nó
xã và môi trường, điều
ộc sống của người nông
ng nghiệp bền vững. Sự
g cộng đồng nông thôn,
e chương trình xóa đói,
tế - xã hội của người
không những đập đổ nó
ong trình xóa đói, giảm
dự diễn hình minh họa
đói nghèo của tỉnh Hòa

Bình. Số liệu cho thấy nếu năm 2001 tỷ lệ đói nghèo của Hòa Bình là 27,37%, sau 5 năm thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo tỷ lệ đói nghèo giảm xuống là 9,81% năm 2004, tuy nhiên đến 2005 tỷ lệ này tăng vọt lên 31,31% do sự điều chỉnh ngưỡng nghèo. Điều này diễn ra tương tự đối với giai đoạn 2006-2010. Có thể nói, cuộc chiến chống đói nghèo này sẽ không có điểm dừng và sẽ còn rất dai dẳng nếu như bản chất gốc rễ của đói nghèo chưa được loại bỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNDP: *Đánh giá và lập kế hoạch cho tương lai - Đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và chương trình 135*, Hà Nội, 11-2004.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNDP: *Báo cáo đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo*, Hà Nội, 2009.
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hòa Bình: *Dự thảo Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2006-2010*, 2006.
4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hòa Bình: *Tổng kết 5 năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, lao động việc làm và dạy nghề*, 2010.
5. Adam Fforde, 11/2003, *Decentralisation in Vietnam- Working effectively at provincial and local government level- a comparative analysis of Long An and Quang Ngai*, Report Prepared by Adam Fforde and Associates Pty Ltd for the Australian Agency of International Development.
6. *Jean-Paul Faguet*, 16-18 DECEMBER 1997, "*Decentralization and Local Government Performance*", *Technical Consultation on Decentralization* FAO, ROME.
7. *M.T. Nadir*, 16-18 DECEMBER 1997, "*Les Chambres d'agriculture Modèle de représentation et outil de participation des agriculteurs*" *Technical Consultation on Decentralization* FAO, ROME.
8. Uphoff, Norman : *Local Institutional Development: An Analytical Sourcebook with Cases*. West Hartford, CT: Kumarian Press, 1986.

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Hoàng Phong Hà

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Khuất Duy Kim Hải

Biên tập nội dung

TS. Đỗ Quang Dũng

ThS. Phạm Thị Kim Huệ

Nguyễn Minh Huệ

Nguyễn Thanh Phương

Trình bày, vẽ bìa

Minh Trang

Chế bản vi tính

Trang Nhung

Sửa bản in

Minh Huệ - Thanh Phương

Đọc sách mẫu

Ban Kinh tế

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Xí nghiệp in Nxb. Văn hóa dân tộc.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 637-2012/CXB/26-20/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 1856/QĐ-NXBCTQG, cấp ngày 19-6-2012.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2012.